

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2018/HS-ST
Ngày: 29/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh
Bà Nguyễn Thị Nhạn
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Nhứt – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn T sinh năm 1977, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 26/6, tổ 3, KP1, phường B, TP.B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Văn Đ (đã mất 2000) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1941; Vợ: Không; Có 01 con (2008); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt: 20/3/2018 (Có mặt).

- Người bị hại: Ông Võ Văn L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: số 03, đường H, KP1, phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1941.

Địa chỉ: 26/6, tổ 3, KP1, phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Võ Văn L hiện cư ngụ tại số 03, đường H, KP1, phường Q, TP. B quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị H tại phường T, TP. B. Khoảng tháng 01 năm 2005, bà H ghi sổ đề bị Công an TP. B bắt giữ nên gia đình bà H gặp ông L hỏi giúp xem có ai quen biết với cơ quan chức năng để xin cho bà H được tại ngoại điều tra; sau đó, ông L nói với Huỳnh Văn T và nhờ T giúp đỡ tìm người có khả năng xin cho bà H được tại ngoại điều tra. Tuy không quen biết ai có khả năng xin cho bà H được tại ngoại điều tra nhưng T đã nói dối với ông L có quen biết với một số người làm việc tại Công an TP. B và Viện kiểm sát nhân dân TP. B có khả năng giúp cho bà H được tại ngoại điều tra với chi phí từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ông L.

Ngày 27/01/2005, T yêu cầu ông L đưa cho Trị 2.000.000đ để giải quyết công việc ông L nhờ, tưởng thật ông L đã đưa cho Trị 2.000.000đ, Trị sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Cũng thủ đoạn như trên ngày 29/01/2005, T chiếm đoạt của ông L số tiền 2.000.000đ tiêu xài hết và hứa hẹn sắp lo xong việc tại ngoại cho bà H.

Ngày 07/02/2005, T cùng một số người quen ăn nhậu tại quán “Toàn” thuộc phường Q, TP. B thì Trị điện thoại cho ông L ra gặp; T tiếp tục nói dối về việc đang ăn nhậu với các sếp để xin cho bà H tại ngoại điều tra; T yêu cầu ông L trả tiền ăn nhậu cho T hết 609.000đ. Sau đó, T nói dối với ông L về việc bà H sẽ được thả vào ngày 08/02/2005, Trị yêu cầu ông L chuẩn bị sẵn 8.000.000đ đưa cho T nhưng không đủ tiền nên ngày 08/02/2005 ông L đưa cho Trị số tiền 7.000.000đ. Đến ngày 09/02/2005, ông L tiếp tục đưa cho Trị 3.000.000đ. Sau nhiều lần lấy tiền của ông L nhưng T đã không làm gì để giúp ông L như đã hứa nên ông L đã tố cáo hành vi của Trị đến Công an TP. B.

Ngày 30/9/2005, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Huỳnh Văn T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do T bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã và đã bắt giữ Huỳnh Văn T vào ngày 20/3/2018 để điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 biên nhận tiền do Huỳnh Văn T viết lưu trong hồ sơ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị C mẹ của Huỳnh Văn T đã bồi thường số tiền 12.000.000đ cho ông Võ Văn L; còn lại số tiền 2.609.000đ ông L không yêu cầu gia đình T phải bồi thường. Hiện bà C đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 3.000.000đ để tiếp tục bồi thường cho ông L.

Tại bản cáo trạng số 195/CT-VKSBH ngày 30/5/2018 của Viện kiểm Sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1

Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Trị mức án tù 06 tháng đến 08 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn T đã khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2005, thông qua việc nhờ giúp đỡ của ông Võ Văn L để tìm người có khả năng xin cho bà Nguyễn Thị H được tại ngoại điều tra trong vụ án hình sự; tuy không quen biết ai có khả năng xin cho bà H được tại ngoại nhưng bị cáo đã nói dối với ông L có quen biết với một số người làm việc tại Công an TP. B và Viện kiểm sát nhân dân TP. B để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ông L. Sau đó, bị cáo đã có hành vi nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của ông Võ Văn L với tổng số tiền là 14.609.000đ rồi bỏ trốn. Đến ngày 20/3/2018, bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B bắt theo lệnh truy nã để điều tra xử lý.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố và viện dẫn.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; với động cơ là nhằm thu lợi bất chính và chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, đồng thời bản thân bị cáo cũng đã có đủ nhận thức để biết rõ hành vi xâm hại đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp cố ý phạm tội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương; sau khi chiếm đoạt được tài sản của người bị hại thì bị cáo bỏ trốn nhằm gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo; tuy nhiên đến ngày 20/3/2018, bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B bắt theo lệnh truy nã. Do vậy, đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã tự nguyện bồi thường

thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) do bà Nguyễn Thị C đã nộp cho Cơ quan điều tra để tiếp tục bồi thường cho ông Võ Văn L nhưng do người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Do vậy cần tuyên trả lại cho bà C số tiền 3.000.000đ.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn T** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) do bà Nguyễn Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 009699 ngày 27/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền phải trả lại cho bà C.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP. B;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QLNVLQ (2);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tiến